TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2018/LĐ-ST.
Ngày: 23/11/2018.
V/v Tranh chấp về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và tiền lương.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Lệ Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Giang – Cán bộ hưu trí.

2. Ông Mai Ngọc Thuần – Phó trưởng Liên đoàn lao động quận Bình Tân.

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Trúc Ly – Là thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Tuấn Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 99/2018/TLST-LĐ, ngày 14 tháng 5 năm 2018, về "Tranh chấp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và tiền lương" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 472/2018/QĐXXST-LĐ, ngày 15 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 273/2018/QĐST-LĐ, ngày 01/11/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Kim T; Sinh năm: 1985; Hộ khẩu thường trú: A10/18 Ấp 1, xã VLB, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Văn T; Sinh năm: 1978; Hộ khẩu thường trú: 125/14L VK, P 3, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty TNHH BJV; Trụ sở: Lô B28/I-B29/I, đường 2B, khu công nghiệp VL, phường BHHB, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Ông Park Kye H; Chức danh: Tổng giám đốc. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 602736-5 G-D G-S, Hàn Quốc. Tạm trú: 710 Chung cư TA, KP 5, phường ĐHT, Q 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn – Bà Lê Kim T trình bày tại đơn khởi kiện và Ông Dương Văn T là người đại diện theo ủy quyền của bà T trình bày tại bản tự khai, tại biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại các biên bản hòa giải như sau:

Bà Lê Kim T là người lao động làm việc tại Công ty TNHH BJV từ ngày 01/4/2015 đến ngày 12/02/2018. Hiện nay Công ty TNHH BJV đã ngừng hoạt động từ sau kỳ nghỉ Tết âm lịch khoảng tháng 2 năm 2018, vì người sử dụng lao động không có mặt tại doanh nghiệp. Công ty TNHH BJV chỉ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà T đến hết tháng 5 năm 2017. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng cho bà T, bà T khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH BJV phải thực hiện: Truy đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà T từ tháng 6 năm 2017 đến tháng 01 năm 2018 số tiền là 7.760.546 đồng và yêu cầu Công ty TNHH BJV phải thanh toán tiền lương bao gồm: 70% lương trong tháng 10/2017 là 1.814.831 đồng, 09 ngày lương tháng 02/2018 là 3.171.889 đồng, tiền phép của năm 2017 (14 ngày) là 2.268.538 đồng, tiền lương tháng 13 của năm 2017 là 4.661.280 đồng. Tổng cộng số tiền yêu cầu là 19.677.084 đồng. Ngày 05/10/2018 nguyên đơn có yêu cầu rút bớt một phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu Công ty TNHH BJV phải trả sổ bảo hiểm xã hội cho bà T.

Bị đơn là Công ty TNHH BJV: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập Công ty TNHH BJV đến Tòa để giải quyết vụ án nhưng Công ty TNHH BJV đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã phối hợp cùng với chính quyền địa phương trực tiếp đến trụ sở của Công ty TNHH BJV để thực hiện việc tống đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và giấy triệu tập cũng như các văn bản tố tụng khác nhưng Công ty TNHH BJV đã đóng cửa, ngưng hoạt động nên không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn – Bà Lê Kim T có Ông Dương Văn T là đại diện theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn - Công ty TNHH BJV đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định. Vụ án thụ lý đúng thẩm quyền, còn thời hiệu khởi kiện, xác định đúng quan hệ tranh chấp. Tuy nhiên về thời hạn xét xử chưa được đảm bảo theo các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu trả sổ bảo hiểm xã hội và chấp nhận toàn bộ các yêu cầu còn lại của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa nguyên đơn - Bà Lê Kim T với bị đơn - Công ty TNHH BJV là tranh chấp về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và tiền lương theo quy định tại khoản 1 Điều 32 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Theo kết quả xác minh của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thì Công ty TNHH BJV có trụ sở tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh và chưa đăng ký giải thể nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh theo điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vụ án thuộc trường hợp Viện Kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thời hiệu khởi kiện: Xét theo lời trình bày của nguyên đơn Bà Lê Kim T thì Công ty TNHH BJV đã ngừng sản xuất và hoạt động vào khoảng tháng 02 năm 2018, vì vậy tháng 4 năm 2018 bà T đã có đơn yêu cầu hòa giải tại Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội quận Bình Tân và tháng 05 năm 2018 bà chính thức khởi kiện ra Tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 202 Bộ luật lao động năm 2012, đơn của bà Thúy còn trong thời hiệu khởi kiện.

Về điều kiện khởi kiện: Nguyên đơn khởi kiện có tranh chấp về tiền lương nên đây là tranh chấp thuộc trường hợp phải thông qua thủ tục hòa giải trước khi yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định tại Điều 201 Bộ luật lao động năm 2012 và Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào biên bản hòa giải không thành về tranh chấp lao động ngày 24/4/2018 tại Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận Bình Tân thì nguyên đơn đủ điều kiện khởi kiện.

Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có yêu cầu xin được vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án. Đối với bị đơn Công ty TNHH BJV đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Mặc dù Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn - Công ty TNHH BJV đến Tòa để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật nhưng Công ty TNHH BJV vẫn vắng mặt không có lý do. Có nghĩa là bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử lấy yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xem xét giải quyết vụ án.

Về việc tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên chấp nhận.

Về nội dung tranh chấp: Xét, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đối với yêu cầu truy đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho nguyên đơn từ tháng 6 năm 2017 đến tháng 01 năm 2018 số tiền là 7.760.546 đồng. Theo lời trình bày của nguyên đơn - Bà Lê Kim T thì bà T vào làm việc tại Công ty TNHH BJV từ ngày 01/4/2015 có ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH BJV và có tham gia đóng bảo hiểm xã hội trong thời gian làm việc tại đây. Tuy nhiên, Công ty TNHH BJV chỉ đóng bảo hiểm cho bà đến tháng 05/2017, từ tháng 06/2017 đến ngày Công ty TNHH BJV ngừng hoạt động là tháng 02/2018 thì không đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho bà T nữa. Căn cứ vào công văn số 162/CV-BHXH ngày 15/8/2018 của Bảo hiểm xã hội quận Bình Tân và bảng tính số tiền phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của Bảo hiểm xã hội quận Bình Tân thì Bà Lê Kim T có quá trình tham gia bảo hiểm từ tháng 05/2015 đến tháng 01/2018 nhưng Công ty TNHH BJV chỉ mới trích nộp tiền bảo hiểm xã hội cho bà T đến hết tháng 05/2017. Số sổ bảo hiểm xã hội của bà T là 7909388412. Căn cứ vào mức lương của bà T mà công ty đã báo cáo với Bảo hiểm xã hội quận Bình Tân thì số tiền công ty phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp cho bà T là 7.760.546 đồng. Như vậy, căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và công văn của Bảo hiểm xã hội quận Bình Tân trả lời đủ cơ sở xác định rằng bà T là người lao động làm việc tại Công ty TNHH BJV và có tham gia đóng bảo hiểm xã hội trong thời gian làm việc tại đây. Số tiền mà người sử dụng lao động là Công ty TNHH BJV chưa trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho bà T là 7.760.546 đồng. Theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 thì trách nhiệm của người sử dụng lao động là *"Đóng bảo hiểm xã hội theo quy định tại Điều 86 Luật Bảo hiểm xã hội và hằng tháng trích từ tiền lương của người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 85 của Luật Bảo hiểm xã hội để đóng cùng một lúc vào quỹ bảo hiểm xã hội"*. Do đó, có cơ sở xác định công ty đã trích tiền lương của người lao động để đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 6, 7, 8, 9, 11, 12/2017 và tháng 01/2018 nhưng đã không nộp cho bảo hiểm xã hội số tiền này, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của người lao động, vi phạm trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội của người sử dụng lao động. Nên Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn. Buộc Công ty TNHH BJV phải nộp vào quỹ Bảo hiểm xã hội số tiền nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp cho Bà Lê Kim T từ tháng 06/2017 đến hết tháng 01/2018 số tiền là 7.760.546 đồng.

Đối với yêu cầu chốt sổ bảo hiểm xã hội, đây là yêu cầu chính đáng và hợp pháp, vì vậy sau khi Công ty TNHH BJV nộp đủ số tiền nói trên vào Quỹ bảo

hiểm xã hội thì Bà Lê Kim T có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để cập nhật quá trình tham gia bảo hiểm xã hội của bà T.

Đối với yêu cầu thanh toán tiền lương do Công ty TNHH BJV tự ý ngưng việc và đồng ý trả cho người lao động 70% tiền lương trong tháng 10/2017 là 1.814.831 đồng. Xét yêu cầu này của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy, căn cứ vào các bảng lương và bảng thanh toán tiền lương của Công ty TNHH BJV có kế toán xác nhận thì số tiền lương do công ty ngừng việc và thỏa thuận là 70% trong tháng 10/2017 của bà T là 1.814.831 đồng. Việc thỏa thuận trả 70% lương cho người lao động trong những ngày công ty ngừng hoạt động được Công ty TNHH BJV thỏa thuận với người lao động, việc thỏa thuận trên là phù hợp với quy định tại Điều 98 Bộ luật lao động năm 2012 và khoản 1 Điều 26 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động, do đó yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu thanh toán 09 ngày lương của tháng 02/2018 là 3.171.889 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời khai của người lao động và căn cứ vào bảng lương do kế toán trưởng xác nhận thì bà T thời giam làm việc trong tháng 02 năm 2018 là 09 ngày, số tiền lương được công ty xác nhận là 3.171.889 đồng. Về thời gian làm việc trong tháng 02/2018, tuy nguyên đơn không chứng minh được số ngày bà T đi làm trong tháng 02/2018 nhưng lời khai của nguyên đơn phù hợp với thời gian ngừng hoạt động của công ty là ngày 12/02/2018 và bảng lương do kế toán của Công ty TNHH BJV xác nhận thì yêu cầu này của bà T là có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu thanh toán tiền phép năm là 14 ngày trong năm 2017 số tiền 2.268.538 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng theo lời khai của người lao động và căn cứ vào bảng lương có kế toán trưởng xác nhận thì bà T chưa nghỉ phép năm của năm 2017. Bà T làm việc tại Công ty TNHH BJV từ tháng 04/2015 cho đến ngày Công ty TNHH BJV ngừng hoạt động là tháng 02/2018 đủ thời gian để hưởng chế độ phép hàng năm. Bà T chưa nghỉ phép năm nên được thanh toán bằng tiền những ngày chưa nghỉ phù hợp với quy định tại Điều 114 Bộ luật lao động năm 2012, Điều 7 Nghị định số 45/2013/NĐ-CP ngày 10/5/2013 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật lao động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và an toàn lao động, vệ sinh lao động và khoản 3, khoản 4 Điều 26 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính Phủ. Theo bảng xác nhận lương phép năm 2017 (bút lục số 54) của Công ty TNHH BJV thì số tiền bà T được hưởng là 2.268.538 đồng. Do đó, yêu cầu thanh toán tiền phép năm 2017 của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu đòi tiền lương tháng 13 của năm 2017 là 4.661.280 đồng, thấy rằng theo quy định tại Điều 103 của Bộ luật lao động thì tiền lương tháng 13 mà nguyên đơn yêu cầu thực chất là tiền thưởng mà người sử dụng lao động thưởng cho người lao động hàng năm căn cứ vào mức độ hoàn thành công việc của người lao động. Việc thưởng lương tháng 13 cho bà T được Công ty TNHH BJV xác nhận với người lao động thông qua bảng tiền thưởng năm 2017 có kế

toán trưởng xác nhận (bút lục số 58) nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

Như vậy, tổng số tiền Công ty TNHH BJV phải trả cho Bà Lê Kim T là 11.916.538 đồng.

Về thời hạn thanh toán: Do Công ty TNHH BJV vi phạm thời gian đóng bảo hiểm xã hội, thời gian trả lương cho người lao động nên Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải truy đóng bảo hiểm xã hội và thanh toán toàn bộ số tiền lương cho nguyên đơn ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Trước đây, bà Thúy yêu cầu Công ty TNHH BJV trả sổ bảo hiểm xã hội cho bà. Nay bà đã nhận sổ bảo hiểm xã hội và xin rút yêu cầu này, nên đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trả sổ bảo hiểm xã hội cho bà T theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Phía bị đơn - Công ty TNHH BJV mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có bất cứ ý kiến nào phản đối các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, điều này cho thấy Công ty TNHH BJV đã từ bỏ quyền phản đối của mình đối với các yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh thấy rằng, các ý kiến và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về hình thức và nội dung là phù hợp quy định của pháp luật, nên chấp nhận. Riêng ý kiến về việc hồ sơ vi phạm thời hạn xét xử, do hồ sơ có thu thập chứng cứ nên thời gian giải quyết vụ án bị kéo dài, nên đã vi phạm thời hạn xét xử.

Án phí lao động sơ thẩm là 590.313 (Năm trăm chín mươi nghìn ba trăm mười ba) đồng, Công ty TNHH BJV phải nộp. Bà Lê Kim T không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 90, Điều 96, Điều 98, Điều 103, Điều 114, khoản 1 Điều 201 và khoản 2 Điều 202 Bộ luật lao động năm 2012;

Căn cứ Điều 15, Điều 22, Điều 23, Điều 25, Điều 86 và Điều 122 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;

Căn cứ Điều 24, Điều 26 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Lê Kim T.

2. Buộc Công ty TNHH BJV phải nộp vào quỹ Bảo hiểm xã hội số tiền nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho Bà Lê Kim T từ tháng 06/2017 đến hết tháng 01/2018 số tiền là 7.760.546 đồng.

Sau khi Công ty TNHH BJV nộp đủ số tiền nói trên vào quỹ Bảo hiểm xã hội thì Bà Lê Kim T có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để cập nhật quá trình tham gia bảo hiểm xã hội của bà T.

3. Buộc Công ty TNHH BJV phải trả cho Bà Lê Kim T số tiền là 11.916.538 đồng, bao gồm: Tiền lương ngừng việc 70% trong tháng 10/2017 là 1.814.831 đồng, tiền lương 09 ngày của tháng 02/2018 là 3.171.889 đồng, tiền 14 ngày phép của năm 2017 là 2.268.538 đồng, tiền thưởng tháng 13 của năm 2017 là 4.661.280 đồng.

4.Về thời hạn trả: Ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán đủ số tiền như đã nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi (Đối với tiền lương thì lãi suất được tính theo mức lãi suất trần huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố. Khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không quy định trần lãi suất, thì được tính theo lãi suất huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng của Ngân hàng thương mại, nơi bị đơn mở tài khoản giao dịch thông báo tại thời điểm trả lương; Đối với tiền nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp thì lãi suất được tính theo mức lãi suất của hoạt động đầu tư quỹ bảo hiểm xã hội; Đối với nợ bảo hiểm y tế thì lãi suất được tính theo mức lãi suất thị trường liên ngân hàng).

5. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kim T về việc yêu cầu Công ty TNHH BJV phải trả sổ Bảo hiểm xã hội cho bà T.

6. Án phí lao động sơ thẩm là 590.313 (Năm trăm chín mươi nghìn ba trăm mười ba) đồng, Công ty TNHH BJV phải nộp. Bà Lê Kim T không phải nộp án phí.

Các đương sự thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

7. Quyền và thời hạn kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ. Viện Kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND cùng cấp;
-TAND TP.Hồ Chí Minh;
-CCTHADS quận Bình Tân;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Lệ Hoa